

NGUYỄN THỊ QUẾ HƯƠNG*

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA TÔN GIÁO NỘI SINH Ở VÙNG BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM¹

Tóm tắt: Tôn giáo nội sinh (TGNS) là những tôn giáo có nguồn gốc ra đời ngay trên mảnh đất Nam Bộ của Việt Nam vào giữa thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Theo dòng lịch sử, có nhiều tôn giáo đã phủ rộng khắp cả nước, từ nông thôn tới thành thị, nhưng cũng có những tôn giáo chỉ hoạt động trên vùng đất nơi đã sản sinh ra chính tôn giáo ấy, thậm chí bám vào các vùng, miền biên giới như một sự khẳng định chủ quyền Việt Nam. Mỗi một tôn giáo tại mỗi vùng biên giới lại có những đặc điểm riêng với những hoạt động tôn giáo phù hợp với vùng, miền đó. Bài viết trên cơ sở tổng hợp, phân tích tài liệu thứ cấp và điền dã, chỉ ra một số đặc điểm của TGNS hiện nay ở Việt Nam đang hiện diện tại vùng biên giới đất liền Việt Nam như: đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương và Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn.

Từ khóa: Tôn giáo nội sinh, đặc điểm, biên giới đất liền, Việt Nam

Mở đầu

Ở Việt Nam, hiện nay có 16 tôn giáo với 41 tổ chức tôn giáo trực thuộc được Nhà nước công nhận hoạt động trên cả nước, trong đó các tôn giáo nội sinh chủ yếu hoạt động ở Nam Bộ, số ít hoạt động ở miền Trung - Tây Nguyên và Bắc Bộ. Tôn giáo nội sinh là những tôn giáo có nguồn gốc ra đời ngay trên mảnh đất Nam Bộ của Việt Nam vào giữa thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, như: Bửu Sơn Kỳ Hương (BSKH-1849), Tứ Ân Hiếu Nghĩa (TAHN -1867), Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn (PGHNTL-1915), Minh Lý đạo-Tam tông miếu (1924), đạo Cao Đài (1926), Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam (TĐCSPHVN-1934) và Phật giáo Hòa Hảo (PGHH -1939). Như vậy, tính đến nay, ở Việt Nam có bảy TGNS. Trong đó có 6/7 TGNS ở vùng biên giới đất liền.

Vùng biên giới đất liền của Việt Nam có ba vùng tương ứng với ba biên giới tiếp giáp giữa Việt Nam với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia. Theo Điều 6, *Luật Biên giới Quốc gia* năm 2003, quy định vùng biên giới gồm: 1. Khu vực biên giới trên đất liền gồm xã, phường, thị trấn có một phần địa

* Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Email: quehuongtg@gmail.com
Ngày nhận bài: 03/9/2025; ngày phản biện: 23/9/2025; ngày duyệt đăng: 03/10/2025.

¹ Bài viết là kết quả của Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ: “*Vấn đề tôn giáo vùng biên giới đất liền Việt Nam hiện nay góp phần phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị*”, thuộc Chương trình khoa học trọng điểm cấp Bộ: “*Nghiên cứu tổng thể vùng biên giới đất liền ở Việt Nam góp phần phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị trong điều kiện hiện nay*”, do TS. Hoàng Văn Chung làm Chủ nhiệm (từ đây viết tắt là đề tài), Viện Dân tộc học và Tôn giáo học chủ trì.

giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia trên đất liền; 2. Khu vực biên giới trên biển tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo, quần đảo; 3. Khu vực biên giới trên không gồm phần không gian dọc theo biên giới quốc gia có chiều rộng mười kilômét tính từ biên giới quốc gia trở vào (Luật Biên giới quốc gia, 2003). Như vậy, ba vùng biên giới đất liền được phân thành: Biên giới Việt Nam - Lào, tập trung ở miền Trung và một phần nhỏ miền Bắc - Tây Nguyên²; Biên giới Việt Nam - Campuchia, tập trung ở vùng Tây Nguyên, Tây Nam Bộ³ và Biên giới Việt Nam - Trung Quốc, tập trung ở phía Bắc⁴. Tuy nhiên, việc phân chia chỉ là tương đối, bởi có tỉnh tiếp giáp cả Trung Quốc và Lào (Điện Biên); tiếp giáp cả Lào và Campuchia (Kon Tum).

Nghiên cứu về TGNS nói chung có nhiều công trình, tuy nhiên, nghiên cứu về các TGNS ở vùng biên giới đất liền thì chưa có công trình nào chuyên biệt, mà chỉ được nhắc đến trong một số các công trình chung, nhất là của Viện Nghiên cứu Tôn giáo với: *Bước đầu tìm hiểu đạo Cao Đài* (1995); *Tôn giáo và mấy vấn đề tôn giáo Nam Bộ* (2001); Phạm Bích Hợp (2007) với *Người Nam Bộ và tôn giáo bản địa: Bửu sơn Kỳ Hương - Cao Đài - Hoà Hảo*; Nguyễn Thanh Xuân có một số công trình có đề cập đến TGNS: *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam* (2012), *Đạo Cao Đài - Hai khía cạnh lịch sử và tôn giáo* (2021), *Một số tôn giáo ở Việt Nam* (tái bản nhiều lần); nhóm tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Quế Hương, Nguyễn Đức Dũng, Đỗ Thu Hường (2022) với *Một số tôn giáo ở Nam Bộ - tri thức cơ bản*;... Hầu hết các công trình này mới chỉ dừng lại ở nghiên cứu về lịch sử, các vấn đề cơ bản của TGNS nói chung, chưa nêu được các đặc điểm của TGNS vùng biên giới đất liền ở Việt Nam. Tác giả Đặng Thế Đại với *Tín ngưỡng nội sinh Việt Nam qua cái nhìn Văn hóa học* (2018) có nêu lên bản chất, đặc điểm của TGNS ở Nam Bộ, nhưng chỉ tập trung vào đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo,... Gần đây có một số bài viết của Nguyễn Thị Quế Hương (2020) với “*Thực hành tôn giáo của tín đồ đạo Cao Đài ở Hà Nội hiện nay*”; Nguyễn Ngọc Mai (2020) với “*Sứ mệnh những năm đầu thành lập của một số tôn giáo nội sinh Nam Bộ*”, và Vũ Thanh Bằng (2020) với “*Biến đổi của Bửu Sơn Kỳ Hương: từ nhận thức Đạo đến thực hành nghi lễ*”... cũng chỉ ra những điểm chung chung của các TGNS được nghiên cứu.

Trên cơ sở tổng hợp, phân tích các công trình đi trước, kết hợp với các kết quả nghiên cứu của cá nhân và của đề tài vào năm 2024 và 2025⁵, bài viết chỉ ra một số đặc điểm của các TGNS vùng biên giới đất liền, để thấy được tính đa dạng, phong phú của các tôn giáo ở Việt Nam, nhưng không mất đi bản sắc văn hóa của vùng, miền, và hướng đến phát huy các nguồn lực của TGNS trong phát triển xã hội thời kỳ Đổi mới.

² Tuyến Việt Nam - Lào gồm các tỉnh, thành như: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam và một phần của tỉnh Kon Tum.

³ Tuyến Việt Nam - Campuchia gồm các tỉnh, thành như: một phần của tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang.

⁴ Tuyến biên giới đất liền giữa Việt Nam - Trung Quốc bao gồm các tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên.

⁵ Thông tin, số liệu, tên địa danh được sử dụng trong bài viết là tên địa danh trước khi hợp nhất các địa phương 01/7/2025.

1. Vài nét về tôn giáo nội sinh ở vùng biên giới đất liền Việt Nam

Trong 07 TGNS, có thể chia thành hai dòng/nhánh với xuất phát điểm và những ảnh hưởng khác nhau từ bối cảnh xã hội. *Một nhánh* gần như vay mượn các giáo lý, giáo luật Phật giáo là chủ đạo, kết hợp với Nho giáo và tín ngưỡng dân gian vùng miền, như: Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam và Phật giáo Hòa Hảo. *Một nhánh* vay mượn tư tưởng tam giáo, nhưng Đạo giáo có phần nổi trội hơn, như Minh Lý đạo - Tam tông miếu và đạo Cao Đài. Trên cơ sở vay mượn một số nội dung trong giáo lý của Phật giáo, tam giáo kết hợp với tư tưởng truyền thống của dân tộc là *đạo Hiếu* (thờ cúng tổ tiên) làm chủ trương, đường hướng hành đạo, đồng thời, một số TGNS còn sử dụng phương thuật huyền bí (dân gian) hay các tư tưởng tôn giáo khác làm phương pháp tu tập. Những nội dung giáo lý của các TGNS được các chức sắc tôn giáo biên soạn lại trên nền tảng của Phật giáo hay tam giáo (Nho - Phật - Đạo) nhằm thể hiện việc hiện thực hóa giáo lý, giáo luật, đạo đức của các TGNS vào cuộc sống của người dân nghèo khổ, lam lũ để họ tự tu tâm dưỡng tính, điều chỉnh hành vi trong cuộc sống, nhưng đồng thời là chỗ dựa tinh thần cho họ tiếp bước trong cuộc sống.

Trải qua những thăng trầm lịch sử, các TGNS đã có chỗ đứng trong xã hội, được xã hội ghi nhận với phương châm sống “tốt đời, đẹp đạo”. Mặc dù, ra đời muộn hơn so với một số TGNS khác, nhưng đạo Cao Đài và các hệ phái thuộc đạo Cao Đài lại được Nhà nước công nhận sớm hơn so với các TGNS khác (trong giai đoạn 1995 - 2009) do sự phát triển và hình thành cơ bản đầy đủ các yếu tố cấu thành một tôn giáo sớm hơn. Hiện nay, đạo Cao Đài có 10 hệ phái và 01 pháp môn tu hành. Tiếp sau đó, lần lượt các tôn giáo khác cũng được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân hoặc chấp thuận cho đăng ký hoạt động, cụ thể: Phật giáo Hòa Hảo năm 1999; Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam năm 2007; Hội thánh Minh Lý đạo - Tam Tông miếu năm 2018. Riêng đạo Bửu Sơn Kỳ Hương được cấp giấy phép hoạt động theo đơn vị chùa từ năm 2005-2008 (Tôn Việt Thảo, 2019: 93). Tứ Ân Hiếu Nghĩa được công nhận năm 2010 (năm 2020, Đại hội đại biểu tín đồ lần thứ 3 của đạo đã quyết định đổi tên thành *Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa*⁶); đến 2023, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn được công nhận. Như vậy, cho đến nay, Nhà nước đã công nhận cho 07 TGNS hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, nhiều nhất là vùng Nam Bộ. Những ảnh hưởng, tác động hai chiều của các TGNS, nhất là các nguồn lực của TGNS tác động đến đời sống xã hội trong lịch sử và hiện tại là không thể phủ nhận.

Các TGNS có mặt ở cả nông thôn và thành thị, trong đó có vùng biên giới đất liền của một số tỉnh, thành phố. Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ năm 2023, hiện nay có 06/07 TGNS (đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương và Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn), hiện diện tại 14/25 tỉnh biên giới đất liền Việt Nam từ miền Trung trở vào miền Nam, với số tín đồ được thống kê

⁶ Ngày 20/11/2020, Ban Tôn giáo Chính phủ tại Công văn số 890/TGCP-TNTGK của BTGCP đã chấp thuận cho đổi tên tổ chức tôn giáo từ “Đạo hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa” thành “Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa”.

là 1.888.807 người, chiếm khoảng 25% của tổng số tín đồ các TGNS ở các tỉnh thuộc biên giới đất liền. Trong đó, *Phật giáo Hòa Hảo* hiện diện ở 9 tỉnh các vùng biên giới đất liền, có số lượng tín đồ đông đảo nhất (1.000.094), phân bố tại An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Long An, Tây Ninh, Bình Phước, Đắk Nông, Kon Tum và tỉnh Quảng Trị chỉ có 02 tín đồ của PGHH. Sau đó là đạo Cao Đài với 824.416 tín đồ, phân bố tại 14 tỉnh, thành như: Tây Ninh, Long An, An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Gia Lai, Kon Tum, Bình Phước, Đắk Nông, Đắk Lắk, Quảng Nam, Thừa Thiên Huế, Thanh Hóa và số ít ở Quảng Ninh. Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa (36.732), trong đó, tập trung tại 2 tỉnh là An Giang 36.000 tín đồ và Kiên Giang là 732 tín đồ. Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam với 15.272 tín đồ phân bố tại An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Long An, Tây Ninh và Bình Phước. Bửu Sơn Kỳ Hương với 7.099 tín đồ chỉ hiện diện ở ba tỉnh là Long An, An Giang và Kiên Giang. Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon chỉ hiện diện ở hai tỉnh gần nhau là Kiên Giang và An Giang. Trong khi đó, có 10 tỉnh không ghi nhận có tín đồ tôn giáo nội sinh, gồm: Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Lạng Sơn, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2023).

Như trên đã trình bày, biên giới đất liền Việt Nam được phân chia thành ba vùng tiếp giáp giữa Việt Nam với Campuchia, với Lào và Trung Quốc. Trong 06 TGNS vùng biên giới đất liền thì hầu hết chỉ hiện diện tại 14 tỉnh, thành thuộc hai vùng biên giới: giữa Việt Nam với Campuchia, tập trung ở vùng Tây Nam Bộ có đủ 06/14 TGNS, giữa Việt Nam - Lào tập trung ở miền Trung - Tây Nguyên chỉ có đạo Cao Đài, gồm 13 tỉnh, thành và duy chỉ có Quảng Ninh là giáp Việt Nam - Trung Quốc với hơn 200 tín đồ đạo Cao Đài. Do đó, phần này chúng tôi sẽ khái lược một cách ngắn gọn về sáu TGNS ở vùng biên giới đất liền Việt Nam dưới đây.

Với nhánh Đạo giáo làm chủ lưu có đạo Cao Đài ra đời năm 1926 trong bối cảnh chính trị ở Nam Bộ có nhiều biến động, rối ren. Quá trình hình thành đạo Cao Đài gắn liền với tên tuổi một số nhân vật làm quan chức và đều biết tiếng Pháp, tiêu biểu là ông Ngô Văn Chiêu (1878-1932), hay còn gọi là Ngô Minh Chiêu, là quan chức tại Tân An, Phú Quốc sau về làm việc tại dinh Thống đốc Sài Gòn. Về tôn chỉ hành đạo là *Tam giáo quy nguyên, ngũ chi phục/hiệp nhất (nhất)*. Cùng với sự phát triển của đất nước, nhất là sau khi có Thông báo số 34-TB/TW, ngày 14/11/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *chủ trương công tác đối với đạo Cao Đài*, từ năm 1995 đến nay, Ban Tôn giáo Chính phủ đã ra quyết định công nhận tư cách pháp nhân cho 10 Hội thánh và cấp đăng ký hoạt động tôn giáo 01 pháp môn Cao Đài⁷, cùng 21 tổ chức Cao Đài hoạt động độc lập⁸ được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo tại

⁷ 10 Hội thánh là: Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên được công nhận năm 1995. Năm 1996, nhà nước công nhận 3 Hội thánh: Cao Đài Chiêu Minh Long Châu; Cao Đài Minh Chơn đạo và Truyền giáo. Năm 1997, Hội thánh Cao Đài Tây Ninh và Cao Đài Ban Chính đạo được công nhận. Năm 1998, có Hội thánh Cao Đài Bạch y Liên đoàn Chân lý được công nhận. Năm 2000, có 2 Hội thánh được công nhận là Cao Đài Chơn lý và Cao Đài Cầu kho Tam quan. Năm 2009, Pháp môn Cao Đài Chiêu Minh Tam thanh Vô vi được nhà nước chấp thuận cho đăng kí hoạt động. Năm 2011, Hội thánh Cao Đài Bình Đức được công nhận.

hiều tỉnh, thành, trong đó có các vùng biên giới đất liền Việt Nam. Các Hội Thánh và pháp môn tu hành đều có hiến chương, xác định rõ tôn chỉ, mục đích, hoạt động theo khuôn khổ của Luật pháp Nhà nước Việt Nam. Đường hướng gắn đạo với đời “Nước vinh - đạo sáng”.

Với nhánh Phật giáo làm chủ lưu có các tôn giáo như BSKH, PHTAHN, PGHNTL, TĐCSPHVN và PGHH, chúng tôi sắp xếp theo sự xuất hiện của các TGNS:

Bửu Sơn Kỳ Hương do ông Đoàn Minh Huyền sáng lập vào năm Kỷ Dậu (1849). Ông được dân chúng tôn xưng là *Đức Phật Thầy Tây An*. Danh từ Bửu Sơn Kỳ Hương được truyền ra từ khi ông về ở Núi Sam. Người nào quy y thọ giáo được phát một cái *lòng phái* có bốn chữ *Bửu-Sơn-Kỳ-Hương* bằng son in trên giấy vàng. Nội dung cơ bản trong giáo lý Bửu Sơn Kỳ Hương là *học Phật tu nhân*. Chùa Phật Thối Sơn, xã Thối Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang được coi là gốc của đạo BSKH.

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ra đời năm 1867 tại An Giang, do ông Ngô Lợi (Ngô Viện, hay Năm Thiếp⁹) sáng lập đã giúp đỡ người dân khai hoang, lập ấp, bớt cảnh cùng cực, khó khăn, bệnh tật thời điểm đó. Trên cơ sở kế thừa những giá trị đạo đức của BSKH, năm 20 tuổi, ông Ngô Lợi đã biên soạn cuốn kinh đầu tiên mang tên *Bà La Ni kinh*¹⁰ để dạy người đời tu niệm, đường hướng “học Phật, tu thân”. Hiện nay, Tổ đình được đặt tại chùa Tam Bửu - Phi Lai (thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, An Giang), hoạt động trên tinh thần “Trung chính - Cầu thị - Trí tuệ - Dung hòa”, hoàn thành tốt các mặt hoạt động Phật sự.

Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon do ông Nguyễn Ngọc An (1889-1972) còn được gọi là ông Bẩy là người khởi xướng và lập nên dòng PGHNTL vào đầu thế kỷ XX (1921)¹¹ ở Kiên Giang, lấy đạo Hiếu làm trung tâm; giáo lý được biên soạn trên nền tảng của Nho-Phật-Đạo cùng với tín ngưỡng dân gian Nam Bộ (Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon, Tổ đình An Bình tự Kiên Lương, 2009). Năm 1927, ông đã tạo lập, xây dựng lại *An Bình tự* bằng xi măng, đây cũng là *Tổ đình PGHNTL* hiện nay. Ngày 08/8/2023, Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 632/QĐ-BNV về việc công nhận tư cách pháp nhân cho tổ chức tôn giáo đối với Phật hội Hiếu Nghĩa Tà Lon thuộc tôn giáo Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon, trụ sở đặt tại An Bình tự, khu phố Cư Xá, thị

⁸ 21 tổ chức Cao Đài độc lập được phân bố tại một số tỉnh, thành như: Tại thành phố Hồ Chí Minh có bảy tổ chức: Thánh thất Bàu Sen, Thánh thất Liên Hoa Cửu cung Thiên đạo học đường, Nam Thành Thánh thất, Thánh thất Tân Minh Quang, Thánh thất Huỳnh Quang Sắc, Chiêu Minh đàn Chợ Lớn và Cơ quan phổ thông giáo lý đại đạo; tại Cần Thơ có hai tổ chức: Thánh tịnh Thiên Trước và Tây Thành thánh thất - Cao Đài Thượng Đế; tại Vĩnh Long có bốn tổ chức như: Chiêu Minh Giáo tòa, Thánh Tịnh Thượng Linh đàn và Thánh thất Tân Chiêu Minh; tại Tiền Giang có bốn tổ chức: Tòa Thánh Cao Đài Việt Nam - Bến Tranh, Thánh thất Thiên Phước đàn - Cao Đài Thống nhất, Thánh thất Vĩnh Hòa - Cao Đài Thống nhất và Thánh tịnh Thanh Tịnh đàn - Cao Đài Thống nhất; tại Bạc Liêu có Cao Thượng Bửu Tòa; tại Sóc Trăng có Thánh tịnh Bạch Vân cung - Cao Đài Thượng Đế; tại Long An có Vĩnh Nguyên tự; tại Đồng Tháp có Thánh tịnh Long Vân - Cao Đài Thượng Đế.

⁹ Sở dĩ gọi là Năm Thiếp là vì vào năm Đinh Mão (1867), vào giờ Ngọ ngày 5 tháng 5 bỗng nhiên ông mê man 7 ngày đêm (đi thiếp). Khi tỉnh dậy thì hành động khác lạ, như đã rũ sạch tâm trần, mà dạy người đời hành đạo.

¹⁰ *Bà La Ni kinh* dài 223 câu chữ Hán để giảng truyền Phật pháp cho tín đồ in trong: *Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Linh sơn Hội thượng kinh hoàn sanh chơn kinh*, Canh Ngọ (1870), tr. 13.

¹¹ Là năm Giáo sư Nguyễn Văn An lãnh ấn sắc tổ đình và xuống núi, lập đàn tế cáo trời đất khai đạo Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon ở Việt Nam, ông được tôn xưng là Đức Giáo sư tại ngôi chùa đầu tiên là *Tiên An tự* tại Tân Hiệp, Kiên Giang (năm 1921, năm Tân Dậu).

trần Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, với mục đích hoạt động của Phật hội “An bình - Bác ái - Từ tâm - Học Phật - Tu nhân - Báo đáp tứ ân”.

Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam được thành lập năm 1934, gắn bó mật thiết với những hoạt động của người sáng lập là Nguyễn Văn Bồng (1886-1958). Ông được tôn là Đức Tông Sư Minh Trí (Nguyễn Văn Bồng) và lấy cơ sở tu tập theo Lục Phương Tông, theo pháp tu Tịnh Độ và thực hành Lục Độ. Sau một thời gian hoạt động, đến năm 1950, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội chuyển sang lấy tôn chỉ *Phước Huệ Song Tu*, lấy Pháp môn niệm Phật làm căn bản. Phương châm hành đạo: Tu học, hành thiện, ích nước, lợi dân.

Phật giáo Hòa Hảo ra đời năm 1939 tại làng Hòa Hảo quận Tân Châu, Châu Đốc, nay là xã Phú Tân, tỉnh An Giang, gắn liền với vai trò của ông Huỳnh Phú Sổ (ông sinh ngày 25 tháng 11 năm Kỷ Mùi tức ngày 15/01/1920), sau lan tỏa, phát triển chủ yếu ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ và rải rác ở một số tỉnh duyên hải miền Trung. Theo đường hướng hành đạo “Vi đạo pháp, vì dân tộc”, tôn chỉ là “Học Phật, tu Nhân”, tại gia cư sĩ, lấy việc báo đáp Tứ ân (Ân Tổ tiên cha mẹ, Ân Đất nước, Ân Tam bảo, Ân Đồng bào và Nhơn/nhân loại) làm căn bản tu hành; giữ tám điều răn cấm và thực hành giáo lý chân truyền của Đức Huỳnh Giáo chủ, PGHH tích cực cứu giúp người nguy khó, tương trợ trong quan, hôn, tang, tế và hoạt động từ thiện hữu ích cho xã hội, cho chúng sinh. Năm 1999, PGHH được công nhận tư cách pháp nhân, đến nay đã qua 6 kỳ đại hội (Đại hội VI vào tháng 12/2024 nhiệm kỳ 2024-2029), đã bổ sung, chỉnh sửa Hiến chương, tiếp tục khẳng định đường hướng hành đạo của PGHH trong giai đoạn mới là: “vi Đạo pháp, vì dân tộc” (Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, 2024).

2. Tôn giáo nội sinh vùng biên giới đất liền Việt Nam: một số đặc điểm nổi trội

Khác với các tôn giáo du nhập vào Việt Nam như Phật giáo, Công giáo,... các TGNS ra đời ngay trên mảnh đất Nam Bộ, trong đó có các tỉnh, thành vùng biên giới đất liền. Với tính giản dị, hòa đồng và bình dân, sinh ra trong thời loạn lạc, bởi vậy mà các TGNS đều có tinh thần nhập thế thực hiện sứ mệnh giúp đời, cứu nước trong bối cảnh Nam Bộ thời đó - đây cũng chính là đặc điểm về lịch sử hình thành của các TGNS. Trên cơ sở kết thừa, tiếp nối các phong tục, tín ngưỡng của vùng Nam Bộ, cộng với các giáo lý, tư tưởng của tam giáo, các TGNS đã chuyển tải những điều đơn giản, hoán đổi thành thơ gieo vần dễ nhớ cho phù hợp với trình độ dân trí của những người tin theo các TGNS thời điểm đó - rất trung thực và giản dị - đây là đặc điểm về thành phần tín đồ.

Với bối cảnh ra đời giống nhau, trong thời điểm gần nhau nên các TGNS cũng mang trên mình những đặc điểm chung bên cạnh một số đặc điểm riêng của từng tôn giáo theo phương châm và cách thức hành đạo, trong đó: *đạo Cao Đài* là TGNS ra đời muộn hơn BSKH, TÁHN, PGHNTL, Minh Lý đạo, nhưng có số tín đồ đông thứ hai so với các TGNS vùng biên giới đất liền, và có độ “phủ sóng” rộng nhất, hiện diện ở 14/25 tỉnh. Ở vùng biên giới đất liền, tôn giáo nội sinh này chủ yếu có các cộng đồng tín đồ nằm từ miền Trung trở vào miền Nam, trừ hai cộng đồng Cao Đài nhỏ ở Quảng Ninh (227 tín đồ) và Thanh Hóa (800

tín đồ). Tỉnh có cộng đồng tín đồ Cao Đài lớn nhất là Tây Ninh (581.493) vượt rất xa so với các tỉnh còn lại, bởi đây là thánh địa của Cao Đài. Long An đứng thứ hai với số lượng tín đồ Cao Đài, nhưng ở mức 71.255, sau đó là An Giang (62.839) và Đồng Tháp (59.395). Thừa Thiên-Huế, Kon Tum, Đắk Nông chỉ ghi nhận số tín đồ là vài trăm. Có 11 tỉnh biên giới không ghi nhận có tín đồ Cao Đài. Trái với độ phủ sóng rộng của một tôn giáo, thì sự đa dạng các TGNS vùng biên giới đất liền lại hiện diện tại hai tỉnh An Giang và Kiên Giang, với tất cả các TGNS - đây là những mảnh đất sản sinh ra nhiều TGNS nhất so với các tỉnh, thành vùng Tây Nam Bộ. Đứng thứ hai về độ đa dạng của tôn giáo nội sinh là tỉnh Long An với 4 loại hình TGNS là: đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam và Bửu Sơn Kỳ Hương. Như vậy, trên cơ sở nguồn gốc các TGNS, bài viết phân tích, đối sánh giữa các TGNS tại các vùng, miền, để đưa ra một số đặc điểm nổi trội của TGNS vùng biên giới đất liền Việt Nam, tập trung nhiều nhất tại 5 tỉnh vùng biên giới Việt Nam - Campuchia: An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Long An và Tây Ninh.

2.1. Tính hòa đồng, giản dị và tinh thần nhập thế cứu đời

Thứ nhất, các TGNS vùng biên giới đất liền Việt Nam-Lào hay Việt Nam-Campuchia, nhất là dòng/nhánh TGNS ảnh hưởng từ Phật giáo rất giản dị, bình dân và tiếp nối, hoàn thiện tư tưởng *học Phật - tu nhân* và trả nợ *Tứ ân* của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương - một tôn giáo ra đời sớm nhất trong dòng TGNS. Với tinh thần nhập thế cứu đời, dương cao ngọn cờ đấu tranh, giành lại đời sống ấm no cho cộng đồng. Với chủ trương cư sĩ tại gia, nên tín đồ tự tu hành theo đạo pháp tại gia là chính, bởi vậy, ban đầu BSKH đã hướng đến việc phải an cư cho các di dân với phương pháp khai hoang, lập ấp, trại ruộng được chú trọng, cùng với tinh thần yêu nước, tham gia đấu tranh, kháng chiến chống giặc thời điểm đó được đông đảo quần chúng tin theo. Đặc biệt, lời dạy của Đức Huỳnh Giáo chủ trong Sám giảng vẫn còn nguyên giá trị: “Tu đền nợ thế cho rồi. Thì sau mới được đứng ngồi toà sen” (Ban Trị sự Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, 2018: 75).

Có thể thấy, các tôn giáo PHTAHN, PGHH và PGHNTL đều kế thừa tinh thần học Phật - tu thân và trả nợ tứ ân của BSKH. Riêng TĐCSPHVN có phần khác. TĐCSPHVN tu tập theo pháp môn niệm Phật và hành đạo theo tôn chỉ “Phước Huệ song tu”, hoằng dương Phật pháp, phát triển, tu bổ các chi hội trực thuộc, lấy y đạo làm phương tiện thành lập các phòng thuốc Nam phước thiện bốc thuốc chữa bệnh cho đồng bào (Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, 2014 : 9).

Đạo Cao Đài với tinh thần từ bi - công bằng - bác ái cũng gieo những “hạt giống” tại vùng biên giới đất liền Việt Nam - Lào, nhất là Việt Nam - Campuchia, qua các giáo lý đơn giản, phù hợp với văn hóa địa phương. Đặc biệt, từ năm 1927, đạo Cao Đài cũng đã truyền giáo sang Campuchia và cho đến nay đã có hơn hai nghìn tín đồ cả người Việt, người Khmer (Huỳnh Ngọc Thu, 2017: 209, 242).

Nhờ sự dung dị, nên các TGNS có thể dễ hòa đồng với cư dân biên giới hay vùng hẻo lánh, nghèo nàn, xa xôi, đặc biệt, vùng Tây Nam Bộ. Qua mỗi giai đoạn lịch sử, các TGNS có

vai trò, vị thế khác nhau trong đời sống xã hội, tín đồ các TGNS vẫn giữ vững tinh thần đoàn kết, yêu nước, chung sống hài hòa phát huy các giá trị sống tích cực của tôn giáo mình nhằm mục đích “tốt đời, đẹp đạo”, tương tác, hỗ trợ nhau vì lợi ích chung của dân tộc, nhất là ở các vùng biên giới đất liền Việt Nam. Sự hiện diện của các TGNS vùng biên giới đất liền cũng như một sự khẳng định chủ quyền của dân tộc.

Thứ hai, từ thiện xã hội đảm bảo an sinh xã hội là hoạt động thể mạnh của các TGNS nói chung, thể hiện tinh thần nhập thể trong đời sống tu hành của tín đồ. Trong các TGNS vùng biên giới đất liền thì PGHH và TĐCSPHVN là hai tôn giáo có các hoạt động tiêu biểu, đã trở thành mô hình điển hình, như: với PGHH là nổi cháo tình thương tại các bệnh viện, xây cầu đường ở nông thôn, đặc biệt là mô hình xe cứu thương¹²,... Theo số liệu của Ban Trị sự Trung ương Giáo hội PGHH, tổng số kinh phí quy thành tiền từ các hoạt động từ thiện - xã hội và nhân đạo như bếp ăn, phòng Đông y, xe cứu thương, làm cầu, đường, xây nhà,... Trong nhiệm kỳ V (2019-2024) có giá trị là 2.446.153.106.000 đồng (Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, 2024). Với TĐCSPHVN thì *Tu Phước* chủ yếu là dùng y đạo Nam dược¹³ để chữa bệnh cho người, là kết quả của điều lành, những việc từ thiện, giúp đỡ chúng sinh bớt khổ thêm vui. Trong nhiệm kỳ 2019-2024, nếu tạm quy thành tiền: mỗi lượt chẩn bệnh là 20.000đ, mỗi thang thuốc phát ra, mỗi lượt châm cứu 30.000 đồng, mỗi kilogram thuốc thành phẩm là 500.000đ, cộng với phần cứu tế xã hội và hoạt động khám chữa bệnh bằng thuốc tây tại Cần Thơ thì trong 5 năm qua, toàn Giáo hội đã đóng góp cho công tác an sinh xã hội tương đương số tiền là 2.461.086.350.000 đồng (Hai nghìn bốn trăm sáu mươi một tỉ, không trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng) (Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, 2024: 18). *Tu Huệ* chủ yếu là thông hiểu giáo lý, am tường nội điển để dùi mài trí sáng, biết được sự thật của vạn vật, hình thành “Nhân đạo” theo “Phật đạo”. Chính những việc làm hữu ích của các TGNS trong thời gian qua đã thắp sáng lên ngọn đuốc từ bi và phát huy tinh thần đoàn kết toàn dân tộc.

2.2. Khuynh hướng tích hợp tạo nên tính đa dạng tín ngưỡng, tôn giáo trong dòng tôn giáo nội sinh

Một là, đặc điểm về tính đại diện cho khuynh hướng tích hợp. Hầu hết, các TGNS có nguồn gốc mang tính tích hợp cao. Đặc biệt, dòng/nhánh ảnh hưởng từ tam giáo như đạo Cao Đài là một tôn giáo tiêu biểu cho loại hình tích hợp, với giáo lý và nghi lễ kết hợp từ nhiều tôn giáo lớn như Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo, Công giáo và Islam giáo. Điều này tạo nên một

¹² Tiêu biểu như PGHH ở huyện biên giới Giang Thành, Kiên Giang đã có 02 bếp ăn từ thiện tại bệnh viện huyện và 01 điểm gắn trường học để hỗ trợ cho người dân, học sinh bữa ăn từ thiện 1 tuần 2 lần, cũng như xe chuyên chở bệnh nhân vùng sâu đến bệnh viện huyện, tỉnh. Tại An Giang, trong một vài năm trở lại đây, PGHH và Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa cũng chung tay góp sức vì an sinh xã hội: đóng góp mua xe chuyển bệnh miễn phí cho bệnh nhân nghèo 170 xe (trong đó, có trên 120 xe do Ban Trị sự Phật giáo Hòa Hảo và Hội Chữ thập đỏ xã quản lý); xây dựng cầu, đường giao thông nông thôn, với số tiền 95 tỷ đồng (Văn phòng Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo); Hỗ trợ cột bê tông cho các hộ nghèo, nâng cấp đường, gắn bóng đèn năng lượng..., với số tiền trên 5,4 tỷ đồng (Văn phòng Ban Trị sự Trung ương Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa)-tư liệu điền dã.

¹³ Đó là các phòng thuốc Nam phước thiện được đặt tại các chùa của TĐCSPHVN tại tỉnh, thành, trong đó có các tỉnh, huyện vùng biên giới đất liền với chức năng bắt mạch, bốc thuốc, châm cứu,... như: Châu Đốc, Tri Tôn (An Giang); Tân Hồng (Đồng Tháp); Hà Tiên (Kiên Giang),..

nền tảng tôn giáo đa dạng và phong phú, phản ánh sự giao thoa văn hóa và tôn giáo trong lịch sử và hiện tại ở Việt Nam. Đạo Cao Đài thể hiện sự tích hợp yếu tố văn hoá truyền thống trong quá trình Nam tiến của lịch sử nước nhà. Tính tích hợp của đạo Cao Đài còn được thể hiện qua việc dung hòa các yếu tố từ nền văn hóa truyền thống với sự thích nghi theo yêu cầu thời đại mới. Đạo Cao Đài còn mang tính hỗn dung tôn giáo, biểu hiện “giáo lý Cao Đài không có hệ thống tín điều có chiều sâu dựa trên tư tưởng triết học, thần học như các tôn giáo khác, mà là sự kết hợp giáo lý tín ngưỡng, tôn giáo cổ, kim, đông, tây. Điểm mới mẻ của đạo Cao Đài là muốn tạo nên một tôn giáo bao trùm lên toàn thể các tôn giáo khác” (Phan Huy Lê chủ biên, 2021: 43). Điều đó cho thấy, tinh thần đoàn kết dân tộc, giao thoa hội nhập tạo ra một thể trận vững chắc trong lòng dân, khẳng định chủ quyền nơi vùng biên giới nơi mà Cao Đài hiện diện ở biên giới Tây Ninh, đặc biệt là các huyện gần biên giới Campuchia như Tân Châu, Tân Biên, Bến Cầu và Trảng Bàng. Trước đây đạo Cao Đài còn có Hội thánh Đường Nhơn phụ trách tín đồ người Hoa, Hội Thánh Tản Nhơn phụ trách tín đồ Khơ-me (Khmer), nhưng nay không còn nữa do chức sắc người Hoa hay Khơ-me ở Tây Ninh không đủ, bởi vậy, các bôn đạo Đường Nhơn, Tản Nhơn sinh hoạt đạo trong các họ đạo khác như ở Trường Hòa (Tây Ninh) và Chơn Thành (Bình Phước), từ đó tạo ra sự gắn kết dân tộc vùng biên giới ở Tây Ninh. Đặc biệt, tại Tây Ninh, Người Tà Mun ở Tây Ninh hiện có 1746 người, chiếm 0,16% dân số toàn tỉnh Tây Ninh, đa số theo đạo Cao Đài, họ cư trú tập trung ở một số xóm ấp hoặc rải rác, xen kẽ với tộc người Khơ-me, người Hoa tại thành phố Tây Ninh, huyện Tân Biên, huyện Tân Châu và huyện Dương Minh Châu (Cẩm Hoàn, 2021). Người có công đưa người Tà Mun từ Bình Phước sang Tây Ninh chính là Đức hộ pháp Phạm Công Tắc, ông đã đưa dân Tà Mun về khu rừng thuộc xã Ninh Thạnh, gần Tòa thánh Tây Ninh. Ở đó, họ phát rừng, dọn cây, làm nhà sinh sống, nên họ góp công quả trong việc xây dựng tòa thánh Tây Ninh lúc bấy giờ. Đức Hộ pháp đã lấy họ Lâm (rừng) đặt cho người Tà Mun vì họ không có họ (Phùng Phương Quý, 2013). Sự giao thoa giữa các tộc người nên người Tà Mun vừa theo đạo Cao Đài vừa ảnh hưởng tín ngưỡng của người Khơ-me và gìn giữ tín ngưỡng của mình như: Tháng Giêng ăn Tết Nguyên đán (người Kinh), tháng ba âm lịch ăn Tết của người Khơ-me, tháng 9 âm lịch ăn tết cổ truyền.

Hai là, đặc điểm về tính đa dạng trong các TGNS vùng biên giới đất liền. Trước hết, đạo Cao Đài thể hiện trên các lĩnh vực: với đối tượng thờ cúng cũng rất đa dạng, ngoài biểu tượng thiêng là *Thiên nhân*, còn có các vị thần chủ của “Quy nguyên Tam giáo/Tam giáo quy nguyên” nghĩa là quy nguyên ba tôn giáo lớn của Phương Đông gồm Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo. Biểu tượng đặc trưng tam giáo của đạo Cao Đài là bộ Cổ pháp gồm: chiếc Bình bát của Phật giáo, cây Phất chủ của Đạo giáo, cuốn Kinh Xuân Thu của Nho giáo. Lá cờ của đạo Cao Đài hình chữ nhật, có 3 màu: vàng, xanh, đỏ từ trên xuống dưới với dòng chữ “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ” (tên gọi chính thức của đạo Cao Đài viết bằng chữ Hán 大道三期普度), trong đó: màu vàng tượng trưng cho Phật giáo, màu xanh tượng trưng cho Đạo giáo, màu đỏ tượng trưng cho Nho giáo. Còn “ngũ chi hiệp/phục nhất” gồm Nhân đạo do Khổng Tử lập ra, Thần đạo do Khương Thái Công lập ra, Thánh đạo do Chúa Giêsu Kitô lập ra, Tiên đạo do Lão

Từ lập ra, Phật đạo do Thích Ca Mâu Ni lập ra; Với giáo lý, giáo luật với Pháp chánh truyền, Tân luật, Đại thừa chân giáo; Ngọc Đế chơn truyền,...; của các tôn giáo khác nhau sẽ tạo ra sự gần gũi, giản dị với người dân từ các vùng miền khác nhau. Khi đạo Cao Đài hiện diện và thu hút người dân ở vùng đất biên giới xa xôi, họ sẽ nhìn thấy, cảm nhận thấy những nhu cầu tâm linh, nhu cầu về điểm tựa tâm linh được đáp ứng trong đạo Cao Đài, nhất là truyền thống Nho giáo, Phật giáo gần gũi và ăn sâu trong tâm trí người dân.

Tiếp theo, tính đa dạng trong đối tượng thờ, thể hiện trong tam bảo của PGHNTL, thể hiện có đủ các chức năng mà đối tượng thiêng của chùa - đình - đền - phủ - miếu - quán của người Việt phía Bắc hiện diện trong chùa của PGHNTL. Có lẽ, đây cũng là cách để người Việt Nam Bộ ghi nhớ về phong tục tập quán cũng như tiếp nối truyền thống tâm linh của cựu quán khi Nam tiến (Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2020: 88). Với đặc điểm đa dạng như vậy, nên các TGNS đến vùng đất nào cũng thấy phù hợp với tín ngưỡng của người dân vùng đó.

2.3. Tinh thần yêu nước của các tôn giáo nội sinh

Với bối cảnh xã hội Nam Bộ thời kỳ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX xảy ra, chiến tranh chống giặc ngoại xâm càng đẩy lên tinh thần yêu nước của một số trí thức tiêu biểu, họ đã tìm các phương cách để góp sức cho cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm của toàn dân tộc, trong đó có các “ngọn cờ tôn giáo” bởi vậy, các TGNS ra đời trong thời điểm đó đều có yếu tố chính trị song hành cùng việc đạo. Các hoạt động kháng chiến cũng như truyền giảng giáo lý càng ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới càng thuận lợi. Tiêu biểu phải kể đến đạo Cao Đài và PGHH. Những cá nhân tiêu biểu của các sỹ phu yêu nước đứng đầu các nhóm Cao Đài cùng nhau đứng lên kháng chiến chống Pháp như Phạm Văn Tòng, Nguyễn Bửu Tài, Cao Triều Phát, Nguyễn Ngọc Tương... và đa số các chức sắc lớn của những hệ phái đạo Cao Đài, trong đó đáng chú ý là Cao Đài Tiên Thiên, cùng với Cao Đài Ban Chính Đạo, Cao Đài Minh Chơn Đạo, Cao Đài Minh Chơn Lý... và các tầng lớp nhân dân khác ở các tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Mỹ Tho, Long An,... (Nguyễn Thanh Xuân, 2015: 277-278). Sau Cách mạng tháng Tám thành công, các hệ phái Cao Đài tiếp tục hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống Pháp với khẩu hiệu “cứu nước là cứu đạo” và “nước vinh đạo sáng”. Đỉnh cao của lòng yêu nước trong toàn đạo Cao Đài là *Hội Cao Đài Cứu Quốc Mười Một Phái Hiệp Nhất*. Sau này, các chức sắc của một số hội thánh đã đưa ra sáng kiến tập hợp lực lượng bằng hình thức *Liên giao*. Không hoạt động về tổ chức nên các hình thức liên giao giữa các chi phái Cao Đài mang tính chất xã hội - tôn giáo có từ trước năm 1975, như Liên giao I (1955), Liên giao II (1972) và những hình thức liên giao thuần túy tôn giáo mang nội dung tích cực cũng không được thực hiện. Trong thời kỳ Đổi mới, đạo Cao Đài đã có nhiều đóng góp trên lĩnh vực này. Khảo sát của Đình Quang Tiến cho biết, số chức sắc, chức việc tham gia các tổ chức chính trị-xã hội, nhất là ở hội người cao tuổi, vì “đặc điểm của tín đồ đạo Cao Đài là tuổi cao nên kết quả Hội Người cao tuổi có tỷ lệ cao nhất 35.72%, Hội Chữ thập đỏ 29.26%, Hội Nông dân 28.88%, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp 27.36%, Hội Liên hiệp Phụ nữ 16.72%, Hội đồng nhân dân các cấp 16.34%,... Phần lớn chức sắc, tín đồ đạo Cao Đài tích cực vừa tu hành, vừa tham gia hoạt động xã hội” (Đình Quang Tiến, 2017: 118).

Cùng với đạo Cao Đài, PGHH cũng là một tôn giáo có đặc điểm lịch sử mang dấu ấn chính trị trong lịch sử cũng như hiện tại. PGHH ra đời năm 1939, trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm của lịch sử xã hội, tôn giáo này có một lịch sử tồn tại và phát triển phức tạp, nên chịu ảnh hưởng cuộc các đấu tranh, dần mang màu sắc chính trị. Tuy nhiên, với tinh thần khép lại quá khứ, hướng đến tương lai, đại đa số tín đồ đều có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo và đức tin sâu đậm với lòng yêu nước, thương dân trên tinh thần *học Phật, tu thân* (Nguyễn Thị Minh Ngọc và cộng sự, 2021: 61- 62). Theo khảo sát của Bùi Văn Hải, ở tỉnh An Giang, PGHH “có 130 người là liệt sĩ, 05 bà mẹ Việt Nam anh hùng, 507 gia đình có công với cách mạng. Ở Cần Thơ, có 158 đảng viên là tín đồ Phật giáo Hòa Hảo; quận Thốt Nốt, nơi có đông tín đồ dưới thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, có 43 gia đình liệt sĩ, 03 gia đình thương binh thời kỳ chống Pháp; 64 gia đình liệt sĩ, 18 gia đình thương binh thời kỳ chống Mỹ; Ở 5 tỉnh, thành phố miền Tây mà tác giả và đề tài khảo sát hiện nay có 1.117 người đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, chiếm tỷ lệ 0,8% đảng viên đảng bộ... Về tình hình đoàn viên, hội viên đoàn thể chính trị xã hội so với tỷ lệ chung của cả nước, kết quả cho thấy, đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chiếm 18% (so với cả nước 30%). Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam chiếm 25% (so với cả nước 42%). Hội Liên hiệp Phụ nữ chiếm 55% (so với cả nước 80%). Hội Nông dân chiếm 60% (so với cả nước 70%). Hội Người cao tuổi chiếm 45% (so với cả nước 70%). Hội Chữ Thập đỏ chiếm 70% (so với cả nước là 40%) và các tổ chức nghề nghiệp khác chiếm tỷ lệ 22%” (Bùi Văn Hải, 2014: 90-91). Như vậy, tinh thần yêu nước của TGNS đã được hun đúc từ trong lịch sử cho đến nay. Điều này càng khẳng định sự hiện diện của các cơ sở TGNS ở vùng biên giới đất liền là minh chứng cho khí thế hào hùng, tinh thần yêu nước bảo vệ vững chắc biên cương của tổ quốc.

Kết luận

Có thể thấy, các TGNS vùng biên giới đất liền, nhất là tuyến Việt Nam - Campuchia gồm các tỉnh, thành Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang vẫn mang những đặc điểm cơ bản của chính các tôn giáo, bởi nơi đó chính là những mảnh đất màu mỡ để các TGNS phát triển từ trong lịch sử cho đến ngày nay. Riêng tuyến biên giới Việt Nam - Lào gồm các tỉnh, thành như: Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam và một phần của tỉnh Kon Tum chỉ có đạo Cao Đài và số ít là tín đồ PGHH. Bởi vậy, đặc điểm của các TGNS nói chung hay các TGNS vùng biên giới đất liền đều có những điểm tương đồng. Sở dĩ, các TGNS dịch chuyển dần ra các vùng biên cũng đều thực hiện tôn chỉ hành đạo nhập thế cứu đời là do hầu hết tín đồ các TGNS đều là những người dân lam lũ, vất vả, cực nhọc. Do đó, về lịch sử hình thành ra đời của các TGNS đều mang tinh thần yêu nước, cứu khổ, cứu nạn, chống giặc xâm lăng, liên kết cộng đồng và là chỗ dựa tinh thần cho người dân, cũng như khẳng định chủ quyền quốc gia.

Hầu hết các TGNS đều có các phương châm hành đạo là học Phật - tu thân, Phước - Huệ song tu, Nước vinh - Đạo sáng, nên các chức sắc, chức việc, tín đồ đều dần thân vào đời sống xã hội, các tôn giáo luôn có ý thức, trách nhiệm đối với tồn vong dân tộc, quốc gia, và trách nhiệm xã hội với các hoạt động làm phúc/phước, từ thiện, cứu trợ nạn nhân thiên tai, bệnh

tật,... Tính nhập thế của các tôn giáo thời kỳ này có lẽ đã tạo ra nét nổi bật của các tôn giáo ở Nam Bộ, trở thành một nét đặc sắc trong diện mạo tôn giáo ở Nam Bộ nói chung, vùng biên giới đất liền Việt Nam nói riêng.

Ba đặc điểm nội trội của các TGNS vùng biên giới đất liền cũng chính là những đặc điểm mà các TGNS thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí quật cường; tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, giúp đỡ những mảnh đời cơ nhỡ khó khăn và neo đơn... thể hiện lòng từ bi mà các TGNS đã truyền tải từ giáo lý của tôn giáo mình. Các TGNS đã, đang và sẽ thực hiện sứ mệnh của mình trong lịch sử là tôn giáo của đạo lý làm người - tôn giáo cứu thế./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tôn giáo Chính phủ (2023), *Thống kê các tôn giáo nội sinh vùng biên giới đất liền Việt Nam*, tháng 11 năm 2023.
2. Ban Trị sự Trung ương Phật giáo Hòa Hảo (2018), *Sám giảng giáo lý Phật giáo Hòa Hảo của Đức Huỳnh giáo chủ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo (2024), *Văn kiện Đại hội Đại biểu tín đồ Phật giáo Hòa Hảo cấp toàn đạo, lần thứ VI, nhiệm kỳ 2024-2029*, An Giang, tháng 12/2024.
4. Giáo hội Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội Việt Nam (2024), *Văn kiện Đại hội đại biểu nhiệm kỳ IV (2024-2029) của Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam*. Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Phan Huy Lê (chủ biên, 2021), *Vùng đất Nam Bộ quá trình hình thành và phát triển*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Quế Hương, Nguyễn Đức Dũng, Đỗ Thu Hường (2022), *Một số tôn giáo ở Nam Bộ - tri thức cơ bản*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Bùi Văn Hải (2014), *Phật giáo Hòa Hảo - lịch sử và những vấn đề hiện nay*, Luận án tiến sĩ ngành Tôn giáo học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Dật sĩ & Nguyễn Văn Hầu (1972), *Thất sơn màu nhiệm*, Nxb. Từ Tâm.
9. Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, Tổ đình An Bình tự Kiên Lương (2009), *Lịch sử tôn giáo đạo Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn*. Kiên Lương (tài liệu do Tổ đình cung cấp).
10. Cẩm Hoàn (2021), “Giữ gìn nét văn hóa truyền thống của người Tà Mun ở Tây Ninh”, trên trang: <https://thinhvuongvietnam.com/Content/giu-gin-net-van-hoa-truyen-thong-cua-nguoi-ta-mun-o-tay-ninh-254716>, ngày đăng tải 30/5/2021, ngày truy cập 25/9/2025.
11. Phùng Phương Quý (2013), “Tản mạn Tà Mun,,,”, trên trang: <https://www.bienphong.com.vn/tan-man-ta-mun-post7691.html>, ngày đăng tải 20/9/2013, ngày truy cập 26/9/2025.
12. Tôn Việt Thảo (2019), “Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ở An Giang”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7, tr. 85-99.
13. Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam (2014), *Hiển chương và Nội quy các ban*.

14. Đinh Quang Tiến (2017), *Giá trị văn hóa của đạo Cao Đài trong đời sống cư dân Nam Bộ*, Luận án tiến sĩ ngành Văn hóa học..., Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
15. Huỳnh Ngọc Thu (2017), *Đạo Cao Đài ở Nam Bộ và các mối quan hệ*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
16. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2020), *Tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ (nghiên cứu trường hợp Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn)*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ (2019-2020) do TS. Nguyễn Ngọc Mai chủ nhiệm, Lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học và Tôn giáo học.
17. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2020), *Tôn giáo nội sinh ở Hà Nội hiện nay*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Cơ sở 2020 do TS. Nguyễn Thị Quế Hương chủ nhiệm, Lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học và Tôn giáo học.
18. Nguyễn Thanh Xuân (2015), *Đạo Cao Đài hai khía cạnh lịch sử và tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

Abstract

CHARACTERISTICS OF INDIGENOUS RELIGIONS IN VIETNAM'S LAND BORDER AREAS

Nguyen Thi Que Huong

Institute of Anthropology and Religious Studies

Vietnam Academy of Social Sciences

Indigenous religions in Vietnam refer to religious traditions that originated in the southern region of the country during the mid-nineteenth and early twentieth centuries. Over time, some of these religions have expanded nationwide, from rural to urban areas, while others remain confined to their places of origin, or even attach themselves to border regions as a symbolic affirmation of Vietnam's sovereignty. Each religion in each border area demonstrates its own distinctive characteristics, with religious practices adapted to the specific local context. Based on the synthesis and analysis of secondary sources as well as fieldwork, this study identifies several characteristics of indigenous religions currently present in Vietnam's land border areas, including Cao Đài, Hòa Hảo Buddhism, the Pure Land Buddhist Association of Vietnam, Tứ Ân Hiếu Nghĩa Buddhism, Bửu Sơn Kỳ Hương, and Hiếu Nghĩa Tà Lơn Buddhism.

Keywords: Indigenous religions; Characteristics; Land borders; Vietnam.